

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH KON TUM**

Bản án số: 08/2018/HS-PT

Ngày: 17-7-2018

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Tăng

Các Thẩm phán: Ông A Brao Bim;

Ông Huỳnh Nguyên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Nhật – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kon Tum tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Hải Yến - Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 12/2018/TLPT-HS ngày 04 tháng 5 năm 2018 đối với bị cáo A Đ.

Do có kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kon Tum đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 04/2018/HSST ngày 27 tháng 3 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Sa Thầy.

- Bị cáo bị kháng nghị:

A Đ, sinh ngày 25 tháng 12 năm 1989, tại tỉnh Kon Tum; Nơi ĐKKTT và địa chỉ nơi cư trú: Thôn Đ, xã H, huyện T, tỉnh Kon Tum; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Rơ Ngao; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Thiên chúa giáo; Con ông A Hoi, sinh năm 1962 và bà Y Juc, sinh năm 1962, cùng địa chỉ cư trú: Làng R, xã Đăk N, thành phố K, tỉnh Kon Tum; Bị cáo có vợ là Y Qũy, sinh năm 1986 và 03 con, con lớn nhất sinh năm 2009, con nhỏ nhất sinh năm 2017; Bị cáo có 07 anh chị em, bị cáo là con thứ 4 trong gia đình; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 13-11-2017 đến nay (có mặt).

- Người tham gia tố tụng khác:

Người bị hại: Anh A T, sinh năm 1995; Địa chỉ cư trú: Thôn Đ, xã H, huyện T, tỉnh Kon Tum (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 22 giờ ngày 12-11-2017, A Đ, A T, A Brao, A Quê, A Kôn, A Jăng, A Đô, A Đư và A Kach cùng nhau uống rượu tại rẫy cà phê thuộc thôn Tân Sang, xã Hơ Moong, huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum. Trong lúc uống rượu, A Đ đánh đàn ghi ta thì A T nói với A Đ cho A Quê mượn đàn để đánh nhưng A Đ không đưa thì A T nói với A Đ “Mày thích gì?”, A Đ nói lại “Mày thích gì?” và liền đứng dậy dùng chân phải đá một cái vào cằm A T, A T liền đứng dậy cởi áo và nói với A Đ “Thế thì tao với mày đánh nhau”. A Đ và A T đi ra cách chỗ cả nhóm đang uống rượu khoảng 05 mét để đánh nhau thì A Đ rút dao bấm để trong túi quần phải đâm một nhát vào ngực bên trái của A T, khi bị đâm A T đã vật A Đ nằm ngửa xuống đất và ngồi đè lên bụng, dùng tay trái bóp cổ A Đ, tay phải đâm vào người A Đ. Lúc này, A Đ dùng tay phải cầm dao đâm liên tiếp vào bụng, hai cánh tay và gối phải của A T. A T thấy tức ngực và buông A Đ ra, đi được mấy bước thì gục ngã, sau đó được mọi người đưa đi cấp cứu tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Kon Tum. Sau khi đâm A T, A Đ đã đến Công an xã Hơ Moong để đầu thú, giao nộp hung khí gây án và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

Tại Bản kết luận giám định pháp y số 146/TgT-TTPY ngày 23-11-2017 của Trung tâm giám định pháp y tỉnh Kon Tum kết luận A T bị thương tích như sau;

- + Vết thương ngực bên trái + Vết thương vùng bụng + Vết thương ở khuỷu tay bai bên + Vết thương ở gối bên phải: 13%;
- + Vết thương thủng hông tràng phải cắt đoạn hông tràng: 43%;
- + Vết thương thủng dạ dày đã xử trí: 31%;
- + Đứt gân bánh chè phải: 07%.

Tỷ lệ tổn thương cơ thể tại thời điểm giám định là: 68,17% làm tròn 68% (Sáu mươi tám phần trăm).

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 04/2018/HSST ngày 27 tháng 3 năm 2018, Tòa án nhân dân huyện Sa Thầy quyết định:

Tuyên bố bị cáo A Đ phạm tội “Cố ý gây thương tích”;

Áp dụng Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Quốc hội; điểm a khoản 3 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; khoản 3 Điều 7, điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 54 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo A Đ 03 (Ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam (ngày 13-11-2017).

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; các Điều 584, 585, 586, 589 và Điều 590 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận tại phiên tòa, về việc bị cáo A Đ tự nguyện thỏa thuận bồi thường thêm cho bị hại A T số tiền 20.000.000 (Hai mươi triệu) đồng, ngoài số tiền 4.200.000 đồng mà bị cáo đã bồi thường.

Áp dụng khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị cáo không bồi thường về số tiền nêu trên, thì phải chịu tiền lãi suất phát sinh do chậm bồi thường được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Bản án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, nghĩa vụ chịu án phí và quyền kháng cáo của những người tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật.

Ngày 26 tháng 4 năm 2018, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kon Tum ban hành Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 35/QĐ-VKS, nhận định bản án sơ thẩm áp dụng điểm a khoản 3 Điều 134 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 để xử phạt bị cáo là không đúng quy định, bởi các lý do sau:

1. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Sa Thầy truy tố bị cáo A Đ theo khoản 3 Điều 104 Bộ luật hình sự năm 1999. Tại phần nhận định của bản án đề cập, phân tích so sánh giữa Bộ luật hình sự năm 1999 và Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 nhưng tại phần quyết định, Tòa án nhân dân huyện Sa Thầy chỉ áp dụng Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Quốc hội; điểm a khoản 3 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; khoản 3 Điều 7, điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 54 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, mà không áp dụng khoản 3 Điều 104 Bộ luật hình sự năm 1999 là vi phạm Điều 196 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 (nay là Điều 298 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015).

2. Bị cáo A Đ gây thương tích cho A T với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 68% với các tình tiết định khung tăng nặng quy định tại điểm a, i khoản 1 Điều 104 của Bộ luật hình sự năm 1999 (nay là điểm a, i khoản 1 Điều 134

của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017); đối chiếu với quy định tại Điều 134 thì hành vi của bị cáo thỏa mãn cấu thành tội phạm quy định tại điểm d khoản 4 Điều 134 chứ không phải điểm a khoản 3 Điều 134 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 như án sơ thẩm tuyên. Theo đó, hành vi phạm tội của bị cáo đã phạm vào khoản 3 Điều 104 của Bộ luật hình sự năm 1999 (nay là điểm d khoản 4 Điều 134 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017). Việc cấp sơ thẩm nhận định và áp dụng pháp luật như trên là không thỏa mãn cấu thành cơ bản, bởi theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 134 thì trong trường hợp nếu bị cáo gây thương tích cho bị hại với tỷ lệ tổn thương cơ thể trên 61% nhưng không thuộc các trường hợp từ điểm a đến điểm k khoản 1 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 và không thuộc trường hợp quy định tại điểm b khoản 4 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

3. Về nguyên tắc có lợi cho bị cáo: Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên áp dụng thêm Điều 47 Bộ luật hình sự năm 1999 (nay là Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017) xử phạt bị cáo dưới khung hình phạt là đúng. Tuy nhiên, xét thấy khoản 3 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 có khung hình phạt tù từ 05 năm đến 10 năm, trong khi khoản 2 Điều 104 Bộ luật hình sự năm 1999 có khung hình phạt tù từ 02 năm đến 07 năm. Do đó, để áp dụng nguyên tắc có lợi cho bị cáo, khi xét xử cần áp dụng Bộ luật hình sự năm 1999 để xử phạt bị cáo.

4. Bị cáo gây thương tích cho bị hại với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 68% với hai tình tiết định khung (quy định tại điểm a, i khoản 1 Điều 104 Bộ luật hình sự năm 1999). Cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo mức án 03 năm tù là chưa tương xứng với tính chất, mức độ và hậu quả do hành vi phạm tội bị cáo đã gây ra.

Vì các lẽ trên, kháng nghị một phần bản án hình sự sơ thẩm về việc áp dụng pháp luật và mức hình phạt; đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum áp dụng Điều 355, 357 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, sửa bản án sơ thẩm theo hướng:

Áp dụng khoản 3 Điều 104 của Bộ luật hình sự năm 1999; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Quốc hội; khoản 3 Điều 7, điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 54 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, tuyên bị cáo phạm tội “Cố ý gây

thương tích”; Về mức án: tăng hình phạt đối với bị cáo từ 12 đến 15 tháng tù.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kon Tum giữ nguyên kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kon Tum về phần áp dụng pháp luật và phát biểu quan điểm: trong giai đoạn xét xử phúc thẩm, vợ bị cáo là chị Y Qũy bồi thường tiếp cho bị hại số tiền 20 triệu đồng, đây là tình tiết mới, đồng thời người bị hại – anh A T cũng có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kon Tum thay đổi một phần nội dung kháng nghị liên quan đến mức hình phạt, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng Điều 355, 357 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, sửa bản án sơ thẩm theo hướng: Áp dụng khoản 3 Điều 104 của Bộ luật hình sự năm 1999; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Quốc hội; khoản 3 Điều 7, điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 54 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, tuyên bị cáo A Đ phạm tội “Cố ý gây thương tích”; Về mức án: tăng hình phạt đối với bị cáo từ 09 đến 12 tháng tù.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kon Tum.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tội danh: Vì nguyên nhân mâu thuẫn nhỏ nhặt trong lúc uống rượu mà bị cáo A Đ sử dụng dao bấm là hung khí nguy hiểm đâm nhiều nhất vào nhiều vị trí trên cơ thể anh A T, gây tỷ lệ tổn thương cơ thể là 68%, khi thực hiện hành vi bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Cố ý gây thương tích” theo khoản 3 Điều 104 của Bộ luật hình sự năm 1999 (với các tình tiết “Có tính chất côn đồ” và “dùng hung khí nguy hiểm” theo các điểm a, i khoản 1 Điều 104 của Bộ luật hình sự năm 1999) nay là điểm d khoản 4 Điều 134 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 (sau đây gọi tắt là Bộ luật hình sự năm 2015).

[2]. Xét Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 35/QĐ-VKS ngày 26-4-2018 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kon Tum, thấy rằng:

[2.1]; Theo quy định về giới hạn xét xử tại Điều 196 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 (nay là Điều 298 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015), thì Tòa án xét xử bị cáo về hành vi theo tội danh mà Viện kiểm sát truy tố và Tòa án đã quyết định đưa vụ án ra xét xử; Tòa án có thể xét xử bị cáo theo

khoản khác với khoản mà Viện kiểm sát truy tố trong cùng một điều luật hoặc về một tội khác bằng hoặc nhẹ hơn tội mà Viện kiểm sát truy tố. Theo Cáo trạng số 03/KSĐT ngày 31-01-2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Sa Thầy truy tố bị cáo A Đ về tội “Cố ý gây thương tích” theo khoản 3 Điều 104 của Bộ luật hình sự năm 1999; mặc dù Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2018/QĐXXST-HS ngày 12-3-2018 của Tòa án nhân dân huyện Sa Thầy quyết định xét xử bị cáo theo điểm a khoản 3 Điều 134 của Bộ luật hình sự năm 2015, nhưng theo quy định ở trên thì việc Tòa án cấp sơ thẩm đưa ra xét xử và tuyên bị cáo phạm tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm a khoản 3 Điều 134 của Bộ luật hình sự năm 2015 là vi phạm về giới hạn xét xử như phân tích trên; hơn nữa nếu áp dụng Bộ luật hình sự năm 2015 thì hành vi phạm tội của bị cáo phải thuộc trường hợp quy định tại điểm d khoản 4 Điều 134 chứ không phải thuộc điểm a khoản 3 Điều 134 như quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm; việc áp dụng pháp luật của Tòa án cấp sơ thẩm không đúng quy định tại Điều 7 về hiệu lực của Bộ luật hình sự về thời gian. Lẽ ra, Tòa án cấp sơ thẩm phải tuyên bị cáo A Đ phạm tội “Cố ý gây thương tích” theo khoản 3 Điều 104 của Bộ luật hình sự năm 1999 mới đúng pháp luật.

[2.2] Về áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, thấy rằng: trong quá trình giải quyết vụ án, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo tác động gia đình và tự nguyện bồi thường cho bị hại, do đó bị cáo được hưởng các tình tiết trên để giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự; sau khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo A Đ đã đầu thú, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới được quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, Tòa án cấp sơ thẩm vận dụng điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Quốc hội, áp dụng Bộ luật hình sự năm 2015 để có lợi cho bị cáo là hoàn toàn phù hợp; Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51, đủ điều kiện áp dụng khoản 1 Điều 54 để xử phạt bị cáo mức án dưới mức thấp nhất của khung hình phạt.

Khoản 3 Điều 104 của Bộ luật hình sự năm 1999 có khung hình phạt từ 05 năm đến 15 năm, trong khi khoản 4 Điều 134 của Bộ luật hình sự năm 2015 có khung hình phạt từ 07 năm đến 14 năm, nhưng khoản 2 Điều 104 của Bộ luật hình sự năm 1999 có khung hình phạt từ 02 năm đến 07 năm còn khoản 3 Điều 134 của Bộ luật hình sự năm 2015 có khung hình phạt từ 05 năm đến 10 năm. Do đó, áp dụng Bộ luật hình sự năm 1999 để xử phạt bị cáo mới đảm bảo nguyên tắc có lợi cho bị cáo.

[2.3] Xét tính chất và hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo, thấy rằng: xuất phát từ nguyên nhân nhỏ nhất trong lúc uống rượu mà bị cáo đã gây tổn thương cho bị hại với tỷ lệ 68%, hành vi của bị cáo thể hiện ý thức coi thường pháp luật, sẵn sàng xâm phạm sức khỏe của người khác để giải quyết mâu thuẫn. Do đó, cần phải xử phạt bị cáo mức án đủ nghiêm khắc, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian, để giáo dục, cải tạo bị cáo, cũng nhằm đảm bảo tính răn đe và phòng ngừa chung, việc Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo mức án 03 năm tù là chưa nghiêm khắc, chưa tương xứng với tính chất nguy hiểm do hành vi phạm tội bị cáo gây ra. Tuy nhiên, tại phiên tòa người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, vợ bị cáo là chị Y Qũy đã thay bị cáo bồi thường cho người bị hại số tiền 20 triệu đồng, bằng với số tiền bị cáo và bị hại thỏa thuận bồi thường tại cấp sơ thẩm. Nên, Hội đồng xét xử chấp nhận Kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kon Tum, tăng mức hình phạt đối với bị cáo thêm 09 tháng tù.

Từ các phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 35/QĐ-VKS ngày 26-4-2018 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kon Tum và việc thay đổi một phần nội dung kháng nghị về mức hình phạt.

Các nội dung khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị, Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Bị cáo A Đ không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.
Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355 và khoản 2 Điều 357 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015;

Chấp nhận toàn bộ Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 35/QĐ-VKS ngày 26-4-2018 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kon Tum và nội dung thay đổi một phần kháng nghị về mức hình phạt tại phiên tòa phúc thẩm.

Xử: Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 04/2018/HSST ngày 27-3-2018 của Tòa án nhân dân huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum về việc áp dụng pháp luật và mức hình phạt.

- Áp dụng khoản 3 điều 104 của Bộ luật hình sự năm 1999; Điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Quốc hội; khoản 3 Điều 7, Điều 50; các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 54 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Tuyên bố: Bị cáo A Đ phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Xử phạt bị cáo A Đ 03 (Ba) năm 09 (Chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam (ngày 13-11-2017).

Về án phí: Căn cứ Điều 135, 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điều 11 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Bị cáo A Đ không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (17-7-2018).

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Kon Tum;
- TAND huyện Sa Thầy;
- Cơ quan THAHS CA huyện Sa Thầy;
- Cơ quan điều tra CA huyện Sa Thầy;
- VKSND huyện Sa Thầy;
- Bị cáo, Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tiến Tăng

